

HIỆN VẬT THIÊNG TRONG BẢO TÀNG: QUAN ĐIỂM VÀ CÁCH TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU

Tóm tắt: *Hiện vật thiêng là chủ đề nghiên cứu được quan tâm không chỉ đối với ngành bảo tàng mà còn đối với ngành nhân học, văn hóa, tôn giáo. Bài viết này phân tích hiện vật thiêng trong nghi lễ tôn giáo, lễ tục của cá nhân, cộng đồng, sau đó nó trở thành hiện vật bảo tàng; phương pháp tiếp cận nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày đối với hiện vật thiêng có một số điểm khác so với hiện vật đời thường. Bài viết không chỉ đề cập đến quan niệm về hiện vật thiêng của chủ thể văn hóa mà còn giới thiệu về việc nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày hiện vật thiêng sao cho đúng cách, vừa thể hiện sự tôn trọng đối với cộng đồng được tôn vinh các hiện vật văn hóa.*

Từ khóa: *Hiện vật thiêng, nghi lễ tôn giáo, lễ tục cá nhân, cộng đồng.*

1. Quan niệm về hiện vật thiêng

Thuật ngữ hiện vật thiêng quen thuộc và thông dụng trong giới nhân học - bảo tàng học ở nhiều nước trên thế giới, chẳng hạn như Mỹ, còn giới khoa học Việt Nam thường gọi là *hiện vật tôn giáo* hay *hiện vật nghi lễ*. Cả hai cách gọi này đều nhấn mạnh đời sống tâm linh của hiện vật thiêng, phân biệt với hiện vật đời thường. Tên gọi hiện vật thiêng nhằm nhắc nhở những người làm công tác bảo tàng phải có cách ứng xử riêng để thể hiện sự tôn trọng đối với hiện vật và chủ thể văn hóa. Có ý kiến cho rằng, hiện vật bảo tàng không có tính thiêng nhưng trên thực tế rất nhiều hiện vật tôn giáo vẫn còn tính thiêng như ở nơi thờ tự.

Hiện vật thiêng của người Việt đa dạng về chất liệu, phong phú về thể loại, như: tượng thờ, thước đo lợn trong ngày hội làng, sắc phong, bàn thờ tổ tiên, ván in bùa... Theo truyền thống, trước và sau khi sử dụng hiện vật thiêng, cá nhân, cộng đồng đều có thắp hương làm lễ. Tuy nhiên, những người nắm giữ, bảo quản hay thực hành hiện vật thiêng phải là người có “căn duyên”, “căn số”, “căn mệnh” và có khả năng giao tiếp

* TS., Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.

được với thần linh¹. Họ luôn gửi gắm niềm tin vào hiện vật thông qua các nghi lễ làm thiêng để tạo nên sự chuyển hóa từ đồ vật bình thường thành hiện vật thiêng. Theo những người hành nghề tôn giáo, sau khi đồ vật đã được làm thiêng (qua nghi lễ, ma thuật...) thì nó có một quyền năng nhất định², nếu dùng không đúng cách sẽ gây nguy hại cho người sử dụng, bởi nó giống như “con dao hai lưỡi”, dùng không cẩn thận sẽ bị tác động không tốt. Xuất phát từ quan niệm về hiện vật thiêng nêu trên, chủ sở hữu hiện vật thiêng thường sùng kính, từ việc bảo quản, thờ cúng đến thực hành nghi lễ đều cẩn trọng và nghiêm cấm những người ngoại đạo không bao giờ được đụng đến. Có một tập tục chung là: “Từ trước đến nay, không ai mang bán đồ thờ, đồ của Phật thánh cả. Khi hiện vật thiêng bị hư hỏng hay cũ nát, nếu không dùng nữa thì mang đốt hoặc bỏ xuống sông, hồ cho nó được mát mẻ”, gọi là giải thiêng³. Nếu không làm như vậy, người ta tin rằng sẽ gặp nhiều chuyện không hay⁴.

Quan niệm về hiện vật thiêng của các tộc người, các tôn giáo thường không giống nhau. Cùng là người Việt và cùng sinh sống tại một địa phương, nhưng nếu theo hai tôn giáo thì quan niệm của họ về hiện vật thiêng cũng khác nhau. Tháng 7 năm 1997, chúng tôi được tham dự lễ “hô thần nhập tượng” tại điện thờ tư gia của bà đồng The ở huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Hôm ấy, cả những người thực hành nghi lễ và người tham dự đều coi những lá bùa dán trên tấm vải đỏ phủ bức tượng là vật tối linh thiêng, mọi người lấy cho vào ví, gói ngủ hay để trên bàn thờ gia tiên..., với quan niệm nó có thể ngăn ngừa được tà ma, quỷ dữ và mang lại nhiều điều phúc lành cho người sử dụng. Nhưng theo nhìn nhận của những người theo Công giáo, tấm vải đỏ và lá bùa trong lễ “hô thần nhập tượng” không có giá trị gì về mặt tâm linh, vì đó chỉ là tấm vải màu đỏ, mảnh giấy được viết chữ Phạn (Úm ma ni bát minh hồng), không có tính biểu tượng cho vị thánh, thần hay Phật nào cả. Tương tự như vậy, trong ngày lễ “lá”⁵ của những người theo Công giáo, sau khi vị linh mục xứ cử hành nghi lễ rước cành lá dừa đi xung quanh nhà thờ, các con chiên tham dự buổi lễ cũng lấy lá dừa mang về nhà cất giữ trên nóc tủ, hoặc treo trước cửa ra vào hay cửa sổ, thậm chí cài vào bên trong vành nón đội đầu..., với niềm tin nó có thể ngăn ngừa được sấm sét khi trời mưa và trừ được ma quỷ. Theo quan niệm của họ, lá dừa này đã được làm thiêng trong buổi lễ, do đó có nhiều công năng, bởi có phép màu nhiệm của Chúa⁶. Như vậy, với mỗi cá nhân cũng như cộng đồng, thường có quan niệm *những đồ vật đã được trải qua nghi lễ tôn giáo thì thường sẽ có tính thiêng*.

Ngược lại, đối với hiện vật đời thường là những vật dụng trong sinh hoạt thường nhật, như công cụ lao động, vận chuyển, đo lường, trang phục... không diễn ra nghi lễ tín ngưỡng - tôn giáo đối với hiện vật. Những loại hiện vật này không có tính thiêng nên việc sử dụng chúng cũng không đòi hỏi phải chọn ngày giờ tốt hay phải có lễ thức trước và sau khi sử dụng; dùng cho đến khi bị hỏng thì vứt bỏ, không cần làm lễ giải thiêng giống như các hiện vật tôn giáo, tín ngưỡng.

Từ một số điểm khác biệt giữa hiện vật thiêng và hiện vật đời thường như vừa nêu trên, dẫn đến cách thức tiếp cận nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày đối với hai loại hiện vật này có sự khác nhau nhất định. Trên thực tế cho thấy, lâu nay những người làm công tác bảo tàng ít có cơ hội hiểu biết một cách chi tiết về các cách thức sử dụng mang tính nghi lễ của hiện vật thiêng; các yếu tố “làm thiêng” và “giải thiêng” hiện vật; ý nghĩa tâm linh và quyền năng ẩn chứa trong mỗi hiện vật thiêng⁷.

2. Hiện vật thiêng đối với Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

2.1. Nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng

Bảo tàng không chỉ là nơi lưu giữ, trưng bày và giới thiệu các hiện vật, mà còn giống như trường học của công chúng đến tham quan, trải nghiệm; đồng thời, bảo tàng cũng là nơi để phát hiện và khám phá tri thức thông qua hiện vật. Hiện vật của Bảo tàng DTHVN thường được sưu tầm tại cộng đồng và được làm phiếu hiện vật (lý lịch khoa học), mỗi phiếu có tới 21 mục thông tin⁸. Sau khi hiện vật đã nhập vào kho cơ sở thì nó trở thành tài sản của Nhà nước và thường được coi là “tự nó nói lên câu chuyện của bản thân mình”⁹. Quá trình nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng của người Việt ở Bảo tàng DTHVN có thể chia làm ba giai đoạn¹⁰:

Giai đoạn thứ nhất, trước khi Bảo tàng mở cửa, tức từ tháng 11/1997 trở về trước, việc sưu tầm nói chung, sưu tầm hiện vật thiêng của người Việt nói riêng chưa thực hiện được là bao. Sau đó, trong khuôn khổ dự án “Điều tra, nghiên cứu và sưu tầm các dạng vật chất của văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam (1995 - 1997)” nhằm tạo cơ sở cho trưng bày của Bảo tàng, hai năm 1996 - 1997 là thời kỳ cao điểm sưu tầm để kịp khai mở trưng bày thường xuyên trong tòa nhà Trống đồng vào ngày 12/11/1997, nhân dịp Hội nghị thượng đỉnh các nước có sử dụng tiếng Pháp được tổ chức tại Hà Nội. Chỉ trong thời gian hai năm ấy, Bảo tàng đã sưu tầm được gần 9.000 hiện vật¹¹. Tuy nhiên, trong đó chủ yếu là hiện vật đời thường, với hiện vật thiêng vẫn còn rất ít. Hiện vật thiêng của người

Việt ở giai đoạn này chủ yếu là do cán bộ của Bảo tàng đi sưu tầm, bên cạnh đó có sự tham gia sưu tầm của một số cộng tác viên ở Hà Nội, Hải Dương, Thanh Hóa, Huế, Tiền Giang... và một số ít do cá nhân, cộng đồng hiến tặng. Thực ra, khi đó Bảo tàng chưa nhận thức một cách đầy đủ về hiện vật thiêng và việc sưu tầm hiện vật thiêng cũng chưa được chú trọng.

Hiện vật thiêng của người Việt ở Bảo tàng DTHVN bao gồm nhiều loại: tượng thờ, đồ thờ, gia phả, sắc phong, thước đo lợn trong ngày hội làng, trang phục nghi lễ, dụng cụ pháp khí... Cách tiếp cận nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng thường khó hơn so với hiện vật đời thường, đòi hỏi người nghiên cứu phải khéo léo trong cách ứng xử, biết tôn trọng chủ nhân hiện vật, kiên trì theo đuổi mục tiêu nghiên cứu và đôi khi cần có cả yếu tố “nhân duyên” giữa người nghiên cứu với người chủ của hiện vật hay chính hiện vật nữa.

Giai đoạn thứ hai, từ năm 1998 đến năm 2002. Trong giai đoạn này, công tác nghiên cứu - sưu tầm chủ yếu phục vụ cho việc trưng bày ở khu bảo tàng ngoài trời và tổ chức các cuộc trình diễn về nghề thủ công và văn nghệ dân gian. Nhìn chung, có thể nhận xét rằng, bối cảnh nghiên cứu hiện vật thiêng ở giai đoạn thứ hai của Bảo tàng DTHVN chưa có tiến triển đáng kể so với giai đoạn thứ nhất và tình trạng bất cập như đã nói trên phải sang giai đoạn thứ ba mới khắc phục được.

Giai đoạn thứ ba, từ năm 2003 đến nay. Điểm nổi bật trong việc sưu tầm hiện vật thiêng của người Việt ở giai đoạn này là phục vụ trưng bày lưu động ở nước ngoài, trưng bày chuyên đề ở trong nước và tập huấn về nghiên cứu hiện vật thiêng. Nhìn chung, ở giai đoạn thứ ba, công tác nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng đã có nhiều tiến triển so với trước. Về nội dung, hầu hết các hiện vật sưu tầm về đều đã có lý lịch rõ ràng, những thông tin liên quan đến đời sống tâm linh của hiện vật được khai thác tỷ mỉ và ghi chép đầy đủ trong phiếu hiện vật. Về hình thức, đã sưu tầm được nhiều hiện vật đẹp, lành lặn và có giá trị văn hóa đậm nét, có cả hiện vật độc bản, đang dần hình thành các bộ sưu tập về hiện vật tôn giáo để phục vụ cho hoạt động trưng bày chuyên đề trong tương lai.

2.2. Bảo quản hiện vật thiêng trong Bảo tàng

Cũng như ở các bảo tàng khác, sau khi nhập hiện vật sưu tầm được vào kho cơ sở, cán bộ bảo quản của Bảo tàng DTHVN tiến hành phân loại dựa trên các tiêu chí khác nhau. Việc bảo quản theo hai kiểu: bảo quản tức thời và bảo quản phòng ngừa.

Cách thức bảo quản hiện vật thiêng ở cộng đồng và tại bảo tàng có sự khác nhau. Với cộng đồng, hiện vật thiêng thường được cất giữ trong môi trường có tính thiêng (di tích), chẳng hạn như cho sắc phong vào hòm gỗ sơn son rồi đặt trong cung cấm, người ngoài không được tự ý đụng đến. Ở bảo tàng, sau khi hiện vật thiêng được nhập vào kho, cán bộ bảo quản thường ít quan tâm đến tính thiêng của hiện vật, hay nói cách khác, cán bộ bảo quản thường hay “tước đoạt” đi môi trường sống của hiện vật. Đây là một vấn đề có tính cấp bách trong lĩnh vực bảo quản hiện vật thiêng tại các bảo tàng ở Việt Nam nói chung và ở Bảo tàng DTHVN nói riêng. Điều đó có thể được giải thích bằng nhiều nguyên nhân, như: diện tích kho chật hẹp mà hiện vật lại nhiều; trang thiết bị (giá kệ) thiếu thốn và không đúng quy cách, đôi khi còn có cả yếu tố con người nữa. Trong khi làm việc, phải trực tiếp đụng chạm đến các hiện vật thiêng thì vai trò của người làm công tác bảo quản trở nên phức tạp hơn nhiều, nhất là đối với phụ nữ. Đa số hiện vật tôn giáo có sự kiêng cử dành cho phụ nữ, tránh để nữ thanh niên và trung niên đụng đến, bởi quan niệm phổ biến cho rằng phụ nữ ở lứa tuổi này không thanh tịnh, do “bệnh phụ nữ” và sinh hoạt vợ chồng. Theo niềm tin thông thường, nếu họ đụng chạm vào hiện vật thiêng, không những vi phạm điều kiêng cử mà chủ sở hữu hiện vật hay cộng đồng quy định, mà còn có thể gây nguy hại đến bản thân nữa.

Mặt khác, ý thức và sự thiếu hiểu biết về đời sống tâm linh hiện vật thiêng của một bộ phận trong xã hội cũng có phần làm cho tính thiêng của hiện vật bị suy giảm. Câu chuyện các ông đồng, bà đồng ở Phủ Dầy tặng ba pho tượng Mẫu cho Bảo tàng DTHVN để đem sang Mỹ dùng cho cuộc trưng bày “*Việt Nam: Những cuộc hành trình của con người, tinh thần và linh hồn*” đã để lại cho cán bộ nghiên cứu và cán bộ bảo quản một bài học quý báu về việc *cần tôn trọng cộng đồng và tính thiêng của hiện vật*. Đó là vào năm 2001-2002, thủ nhang Phủ Dầy cùng các đệ tử hiến tặng một số tượng gỗ dùng cho việc thờ Mẫu của người Việt để phục vụ cho cuộc trưng bày này, nhưng nhân viên bảo quản của Bảo tàng cũng như người đi nhận hiện vật về đã sơ suất, đặt các pho tượng xuống nền nhà kho và tháo bỏ tấm vải đỏ phủ trên mỗi bức tượng. Khi các ông đồng, bà đồng ở Phủ Dầy được mời tới Bảo tàng tham quan, cũng là dịp để Bảo tàng biểu thị sự trân trọng cảm ơn, họ được mời thăm cả kho hiện vật. Nhìn thấy những pho tượng Mẫu đặt dưới nền nhà, các ông đồng, bà đồng đã chấp tay vái lạy, sám hối Phật thánh, rồi nói: “Bảo tàng không có nhu cầu trưng bày các pho tượng này thì trả lại cho chúng tôi! Tượng

Mẫu tuy đã giải thiêng nhưng vẫn còn tính thiêng trong tâm thức của người theo đạo, nên không thể đặt Phật thánh ngồi dưới đất được!”¹². Trước thái độ tức giận và sự phản đối như vậy, lãnh đạo Bảo tàng đã cho đặt những pho tượng mẫu lên giá cao trong kho. Đúng như Michelle Maunder nhận xét: “Nghề làm bảo quản có những giới hạn đạo đức bắt buộc khiến nó nhận thức được giới hạn công việc và ngăn chặn sự nổi lên của thái độ “cái gì cũng cho qua”. Nếu cho phép thái độ như vậy, nó sẽ dẫn đến kết quả làm mất đi sự tôn trọng đối với tầm quan trọng và ý nghĩa của hiện vật vốn là một phần cơ bản trong mục đích bảo quản mà chính người làm bảo quản hướng tới”¹³.

Đối với người làm công tác nghiên cứu - sưu tầm, ngoài việc đáp ứng yêu cầu về khoa học đối với hiện vật, họ cũng phải đề cao trách nhiệm của mình là phải thông báo cho cán bộ bảo quản biết những hiện vật nào là thiêng cùng những điều cấm kỵ cần quan tâm, để từ đó cán bộ bảo quản có phương án thích hợp đối với hiện vật thiêng. Ở Bảo tàng DTHVN, từ sau khi xảy ra câu chuyện đáng tiếc trên đây, các cán bộ bảo quản được tham gia nhiều khóa tập huấn và có nhiều cơ hội được làm việc với chuyên gia nước ngoài về bảo quản hiện vật thiêng, do đó trình độ nghiệp vụ và trách nhiệm của họ được nâng lên.

Trong trường hợp hiện vật thiêng bị hư hỏng mà không thể sử dụng trong trưng bày được nữa, khi đưa vào bảo quản trong kho vẫn phải tính đến yêu cầu tôn trọng tính thiêng của hiện vật, tránh đặt hiện vật xuống đất hay để thấp hơn thắt lưng người. Hiện nay, các hiện vật thiêng, hiện vật tôn giáo của Bảo tàng đều được cất đặt cẩn thận trên những giá cao quá thắt lưng, hoặc để riêng trong từng tủ hay hòm kim loại, thậm chí các hiện vật như tượng thờ được để riêng biệt tại một góc của kho bảo quản, nhằm hạn chế việc tiếp xúc mỗi khi tác nghiệp.

2.3. Trưng bày hiện vật thiêng

Với Bảo tàng DTHVN, việc dựa vào cộng đồng và lấy ý kiến tư vấn của cộng đồng là rất quan trọng khi trưng bày hiện vật thiêng. Thực tế cho thấy, sự tham gia của cộng đồng đặc biệt cần thiết trong ứng xử với tính thiêng của hiện vật, giúp trưng bày hiện vật thiêng một cách đúng đắn; hơn nữa, cộng đồng còn có thể tư vấn cho Bảo tàng định hướng nghiên cứu sâu về đời sống tâm linh của mỗi hiện vật và hình thành các bộ sưu tập hiện vật tôn giáo, như bùa chú, tượng thờ, trang phục thầy cúng, pháp bảo...

Khi Bảo tàng DTHVN triển khai trưng bày thường xuyên về các dân tộc ở Việt Nam trong tòa nhà Trống đồng, liên quan đến hiện vật tôn giáo cũng có những ý kiến khác nhau, nhất là về việc lựa chọn hiện vật. Hiện vật ở Bảo tàng, DTHVN có nhiều hiện vật tôn giáo, có ý nghĩa rất quan trọng đối với các ông đồng, bà đồng và những người tin theo đạo Mẫu. Nếu Bảo tàng trưng bày không đúng cách sẽ có thể bị phản ứng, đặc biệt là những người tôn sùng đạo Mẫu. Bởi vậy, khi đưa vào tủ kính 3 pho tượng Mẫu, tượng Cô, tượng Cậu, “ông lốt” và tái tạo cảnh cung văn, tứ trụ và người bắc ghế hầu thánh, chúng tôi đã gặp không ít khó khăn trong việc sắp đặt các pho tượng và lựa chọn một giá hầu trong 36 giá hầu để tái tạo bằng manơcanh cảnh người hầu đồng đang ngồi trước điện thờ. Ba pho tượng Mẫu sắp đặt theo thứ tự thế nào? Có ý kiến cho rằng, tính từ phải sang trái thì ngoài cùng là Mẫu Thượng thiên, ở giữa là Mẫu Thoải, tiếp đến Mẫu Địa, vì văn hóa người Việt gắn liền với văn minh nông nghiệp lúa nước¹⁴ nên phải đặt Mẫu Thoải ở vị trí trung tâm. Về tái tạo cảnh hầu đồng, có ý kiến lựa chọn giá hầu Cô Bé, vì giá hầu này vận trang phục của người dân tộc thiểu số, màu sắc sắc sỡ trông đẹp mắt, có đeo khăn ở cổ và vòng tay, chân đi hài, như vậy hấp dẫn du khách.

Để giải quyết tình huống khó xử này, Bảo tàng cử một cán bộ đến đền Dâu (phố Hàng Quạt, Hà Nội) mời người trông coi đền và cũng là thanh đồng, pháp sư. Ông tên là Trang Công Thịnh cùng hai đệ tử của ông đến tư vấn. Thanh đồng Trang Công Thịnh chia sẻ: Việc sắp đặt ba pho tượng Mẫu phải dựa theo niềm tin của người theo đạo Mẫu, mà theo quan niệm truyền thống và truyền thuyết dân gian thì Thánh Mẫu Liễu Hạnh là con của Ngọc Hoàng, bị giáng xuống trần gian và trở thành “Mẫu nghi thiên hạ”, vì thế phải đặt chính giữa, trang phục màu đỏ; bên phải là tượng Mẫu Địa, mặc áo vàng; bên trái là tượng Mẫu Thoải, mặc áo trắng. Ông còn giải thích thêm, trong nghi lễ hầu đồng, các ông đồng, bà đồng khi bắc ghế hầu thánh đều hầu giá Châu Đệ Nhị, vì vị nữ thần này có công giúp Lê Lợi đánh thắng giặc Minh và đã được nhà vua ban sắc phong. Hơn nữa, trong tâm thức của những người theo đạo Mẫu, đây là vị nữ thần hay ban phát tài lộc, sức khỏe cho con người, vật nuôi... Cuối cùng, Bảo tàng đã sắp đặt các hiện vật về lễ lên đồng theo chỉ dẫn của thanh đồng Trang Công Thịnh. Có lẽ từ trưng bày này đã “chạm được vào trái tim những người con của Mẫu”, đạt được yêu cầu tái hiện chân thực về đạo Mẫu và nghi thức lên đồng của người Việt. Cho nên, có nhiều đệ tử của Mẫu ở Hải Dương, Nam Định, Bắc Giang, Hà Nội đã đến tham quan,

thậm chí một số người còn đứng trước tủ trưng bày chấp tay và khấn Mẫu.

Về sau, mỗi khi trưng bày có liên quan đến niềm tin tôn giáo, như trưng bày bộ bàn thờ gia tiên ở ngôi nhà người Việt, trưng bày “*Việt Nam: những cuộc hành trình của con người, tinh thần và linh hồn*”, trưng bày “*Sống trong bí tích - Văn hóa Công giáo đương đại Việt Nam*”..., Bảo tàng DTHVN đều mời những người am hiểu thực hành tôn giáo đến góp ý, nhằm hạn chế tối đa sự sai sót so với thực tế diễn ra ở cộng đồng. Đó cũng là cách tạo điều kiện để cộng đồng cùng chia sẻ và giới thiệu những giá trị văn hóa của mình với công chúng tại Bảo tàng.

3. Bài học kinh nghiệm và một số vấn đề đặt ra

Từ thực tế hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày hiện vật thiêng ở Bảo tàng DTHVN trong khoảng 20 năm qua (1995 - 2015), có thể bước đầu rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất, trong việc nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng, không chỉ cần tính kiên trì, sự am hiểu về hiện vật, mà còn phải biết ứng xử linh hoạt với chủ nhân của hiện vật.

Thứ hai, trong quá trình nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, cán bộ Bảo tàng phải tôn trọng tính thiêng của hiện vật và tôn trọng cộng đồng chủ nhân của hiện vật.

Thứ ba, để tránh những sai sót hoặc điều đáng tiếc trong trưng bày hiện vật thiêng, tốt nhất là Bảo tàng mời chủ sở hữu hiện vật, cộng đồng hay người thực hành tôn giáo cùng tham gia trưng bày, hoặc chí ít cũng nhờ họ tư vấn.

Thứ tư, để các hiện vật thiêng trở nên sống động và hấp dẫn khách tham quan, ngoài các yếu tố về nội dung, chất lượng và thủ pháp trưng bày, Bảo tàng còn phải biết khai thác những câu chuyện kể đằng sau hiện vật.

Thực tế cho thấy, việc sưu tầm hiện vật thiêng của các dân tộc thiểu số nói chung và người Việt nói riêng ngày càng khó khăn. Do sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ, các hiện vật tôn giáo cũng mai một đi nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, Bảo tàng DTHVN cần phải khẩn trương sưu tầm các hiện vật thiêng, tích cực xây dựng các sưu tập hiện vật tôn giáo để phục vụ trưng bày chuyên đề. Thêm nữa, công việc này cũng đòi hỏi đội ngũ cán bộ vừa phải vững vàng về chuyên môn - nghiệp vụ trên cả hai lĩnh vực:

nhân học/dân tộc học và bảo tàng học, vừa thực sự có trách nhiệm cao và tâm huyết với nghề.

Từ trước đến nay, Bảo tàng DTHVN luôn đề cao yêu cầu nghiên cứu - sưu tầm tại làng, tại di tích, tại cộng đồng là chủ thể văn hóa. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, hiện vật sưu tầm ở làng ngày nay chủ yếu là những hiện vật đời thường, ít khi gặp được hiện vật đẹp, lâu đời và nguyên lành. Bởi vậy, bên cạnh việc sưu tầm ở làng, Bảo tàng cũng cần mua hiện vật tại các cửa hàng buôn bán đồ cổ hoặc mua của các nhà sưu tập tư nhân. Giới kinh doanh và chơi cổ vật hay sưu tầm được nhiều hiện vật và thường có những hiện vật đẹp. Tuy nhiên, một khi chấp nhận mua hiện vật của họ, phải đặc biệt chú ý sao cho tránh mua nhầm hiện vật phục chế, và cũng phải cảnh giác với những thông tin liên quan đến hiện vật do họ cung cấp.

Trước khi triển khai nghiên cứu - sưu tầm hiện vật thiêng, cần kiểm tra cụ thể số hiện vật mà Bảo tàng đã có, để tránh sưu tầm hiện vật trùng lặp, đồng thời giúp ích cho việc xác định mục tiêu sưu tầm nhằm hình thành bộ sưu tập hiện vật cho Bảo tàng.

Sau mỗi chuyến đi sưu tầm, nếu có hiện vật thiêng, người nghiên cứu phải tổng hợp các thông tin chi tiết liên quan đến đời sống tâm linh của hiện vật, cách bảo quản hiện vật theo truyền thống tại cộng đồng hay di tích, cả những điều kiêng kỵ, cả việc hiện vật đã được giải thiêng hay chưa. Các thông tin này cần thông báo cho bộ phận làm công tác bảo quản, để có phương án bảo quản hiện vật thiêng một cách phù hợp, đáp ứng yêu cầu tôn trọng chủ thể hiện vật cũng như tính thiêng của hiện vật sau khi hiện vật rời khỏi cộng đồng và về với Bảo tàng./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Vũ Hồng Thuật (28/12/2013), “Con đường vào nghề và hành nghề của pháp sư người Kinh ở Trung Quốc”, Hội nghị Thông báo Văn hóa năm 2013, Viện Văn hóa thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- 2 Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2004-2006), *Đời sống tâm linh hiện vật*, Nguyễn Thị Thu Hương dịch, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: 2.
- 3 Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, (Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm chủ biên), Nxb. Thế giới, Hà Nội: 235.
- 4 Pháp sư - thanh đồng Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1973, thủ từ đền Cốc, xã Đình Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, phỏng vấn ngày 25/4/2004.

- 5 Ngày lễ “Lá” thường làm vào ngày Chủ nhật trước lễ Phục sinh. Nghi lễ này kể về việc Chúa Jesus tiến vào thành Jerusalem những ngày trước khi chịu khổ hình. Truyền thống của các nước theo Công giáo sử dụng lá cọ trong các nghi lễ; những nơi không có cọ thì dùng cành cây thủy tùng hay cành cây liễu. Ở Việt Nam, hầu hết các nhà thờ đều sử dụng cành lá dừa. Những chiếc lá được tết hay thắt rất công phu, các con chiên thể hiện sự vui mừng đón rước Chúa.
- 6 Giuse Nguyễn Văn Tình, xã Ngã La, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, phỏng vấn ngày 20/4/1997.
- 7 Vũ Hồng Thuật (2011), “Bước đầu tìm hiểu các loại hình bùa chú của người Việt”, trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 403.
- 8 11 mục thông tin gồm: Số đăng ký; Tên gọi; Số lượng; Phân loại; Dân tộc; Phương thức sưu tầm; Địa điểm; Ngày tháng; Người liên quan; Lịch sử hiện vật; Bối cảnh sử dụng; Sử dụng; Kích thước/trọng lượng; Chất liệu; Kỹ thuật; Mô tả; Tình trạng hiện vật khi mới sưu tầm; Ý nghĩa và những vấn đề có liên quan đến tôn giáo, màu sắc, hình dáng của mô típ hoa văn; Ý kiến đánh giá của người sưu tầm về giá trị văn hóa, nghệ thuật chế tác, cách thức sử dụng và giá trị kinh tế của hiện vật; Giá mua hiện vật; Họ tên, địa chỉ người sưu tầm.
- 9 Laurel Kendall, “Đời sống tâm linh hiện vật”, Báo cáo đề cương sơ thảo dự án (bản 2), Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam: 1.
- 10 Việc phân chia 3 giai đoạn của bài viết này dựa trên đặc điểm, bối cảnh sưu tầm hiện vật thiêng của người Việt. Ngoài ra, Bảo tàng còn có một cách phân chia khác, xem: Lưu Hùng (2011), “Một cái nhìn tổng quan về chặng đường nghiên cứu - sưu tầm của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam” 15 năm qua (1995 - 2010)”, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 81- 99.
- 11 Lưu Hùng (2011), “Một cái nhìn tổng quan về chặng đường nghiên cứu - sưu tầm của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam 15 năm qua (1995 - 2010)”, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 86.
- 12 Thủ nhang Phú Dầy, Trần Thị Duyên, thôn Tiên Hương, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
- 13 Michelle Maunder (2000), “Bảo quản những hiện vật thiêng”, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (dự án), *Đời sống tâm linh của hiện vật 2004 - 2006*, Nguyễn Thị Thu Hương dịch: 10.
- 14 Vũ Hồng Thuật (1999), “Đôi điều thờ mẫu của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ”, *Dân tộc học*, số 2 (102): 39.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vi Văn An (2002), “Một vài suy nghĩ từ nghiên cứu dân tộc học đến việc tổ chức trưng bày các bộ sưu tập hiện vật dân tộc học”, *Đối mới tiếp cận Dân tộc học trong các bảo tàng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Lưu Hùng (2011), “Một cái nhìn tổng quan về chặng đường nghiên cứu - sưu tầm của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam 15 năm qua (1995-2010)”, *Các công trình của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Vũ Hồng Thuật (1999), “Đôi điều thờ mẫu của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ”, *Dân tộc học*, số 2 (102).
4. Vũ Hồng Thuật (28/12/2013), “Con đường vào nghề và hành nghề của pháp sư người Kinh ở Trung Quốc”, Hội nghị Thông báo Văn hóa năm 2013, Viện Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
5. Vũ Hồng Thuật (2008), “Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch”, trong *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Vũ Hồng Thuật (2011), “Bước đầu tìm hiểu các loại hình bùa chú của người Việt”, *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, dự án: *Đời sống tâm linh hiện vật 2004 - 2006*, Nguyễn Thị Thu Hương dịch, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
8. Michelle Maunder, “Bảo quản những hiện vật thiêng”, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, dự án: *Đời sống tâm linh hiện vật 2004 - 2006*, Nguyễn Thị Thu Hương dịch, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
9. Laurel Kendall, “Đời sống tâm linh hiện vật”, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, dự án: *Đời sống tâm linh hiện vật 2004 - 2006*, Nguyễn Thị Thu Hương dịch, Thư viện Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam.
10. Laurel Kendall (2/2008), GUEST EDITOR, “Popular Religion and the Sacred Life of Material Goods in Contemporary Vietnam”, *Asian Ethnology*, tập 67.
11. Michelle Maunder (2000), “The conservation of sacred objects”, Crispin Piane (eds), *Godly things: Museum, Objects and Religion*, London: Leicester University Press: 97 - 109.

Abstract

THE SACRED OBJECTS IN MUSEUMS: OPINIONS AND RESEARCH APPROACH

The sacred objects are studied by museology, anthropology, culture studies and science of religions. This article analyzes the sacred objects in religious rites of individuals and communities, then they become museum artifacts; methodologies, collecting, preserving and exhibition of sacred artifacts in comparison with normal objects. This text does not only mention the concept of the sacred objects of cultural subjects, but it also introduces the research, collecting and preserving and exhibition of sacred objects in the right way, just to show respect for communities that were honored the cultural artifacts.

Keywords: Sacred objects, religious rite, individuals, community, ritual.